TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 460/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Minh Tuấn

2/ Bà Trần Thị Thanh Thủy

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 680/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 525/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/9/2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Bé H, sinh ngày: 10/11/1983

Căn cước số: 089183007642 cấp ngày 20/01/2022

Địa chỉ: 4 N, Phường I, Quận A (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hạng Thanh S, sinh ngày: 20/5/1979

CMND số: 023460695 do Công an Thành phố H cấp ngày 30/5/2008

Địa chỉ: 4 N, Phường I, Quận A (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2024, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trương Thị Bé H trình bày: Bà và ông Hạng Thanh S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2005 tại Ủy ban nhân dân Phường

I, Quận A (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01 cấp ngày 27/9/2005.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó cả hai thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà đã cố gắng nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn được, bà và ông S đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với nhau, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hạng Thanh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Hạng Phúc H1, sinh ngày 28/02/2006 và Hạng Ngọc G, sinh ngày 06/5/2008. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Hạng Ngọc G. Bà H và ông S tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H khai không có.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Ngày 19/9/2025, bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông S nhưng ông S vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà H và ông S là "Tranh chấp về ly hôn". Bị đơn ông Hạng Thanh S có địa chỉ cư trú tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H

- Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn:

Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên, giữa bà H và ông S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, bà H và ông S không hợp nhau, bà và ông S cũng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Như vậy, cho thấy mục đích hôn nhân của bà H và ông S không đạt được. Ông S đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S không có mặt để Tòa án hòa giải. Như vậy, ông S cũng không có ý muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ.

- Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Hạng Phúc H1, sinh ngày 28/02/2006 và Hạng Ngọc G, sinh ngày 06/5/2008. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Hạng Ngọc G, sinh ngày 06/5/2008. Hội đồng xét xử xét thấy: Trẻ Ngọc G1 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hiện nay trẻ Ngọc G1 đang ở cùng với bà H, để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của trẻ Hội đồng xét xử xem xét giao trẻ Hạng Ngọc G, sinh ngày 06/5/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H và ông S tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có.

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP

ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Bé H được ly hôn với ông Hạng Thanh S.

- Về con chung: Giao trẻ Hạng Ngọc G, sinh ngày 28/02/2006 cho bà Trương Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H và ông S tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hạng Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà H chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0020986 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Diên Hồng;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Hà Thiên Tâm